

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2026/HNGĐ-ST

Ngày 22/01/2026

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Ông Nguyễn Trường Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Hồ Phúc Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Ngọc Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 106/2025/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2025 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2026/QĐXXST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị P, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Trương Thành M, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ A, ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ nguyên đơn bà Trần Thị Phương trình B:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị P và ông Trương Thành M chung sống với nhau từ năm 2014, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh). Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng ngày càng trở nên lạnh nhạt. Xét thấy, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nên bà P xin được ly hôn với ông Trương Thành M.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 01 con chung là chung Trương Quốc B1, sinh ngày 06/01/2016, con chung có nguyện vọng được sống cùng ông M, bà P đồng ý cho ông M nuôi con, ông M đồng ý nuôi con và không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn ông Trương Thành M trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Trần Thị P chung sống có đăng ký kết hôn, chung sống hoàn toàn do tự nguyện, cuộc sống hôn nhân có nhiều mâu thuẫn, nay bà P xin ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có 01 con chung là chung Trương Quốc B1, sinh ngày 06/01/2016, ông M xin được nuôi con chung, không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị P đối với ông Trương Thành M; về con chung: Giao con chung là Trương Quốc B1, sinh ngày 06/01/2016 cho ông Trương Thành M nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của ông M về việc không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về thủ tục tố tụng, về nội dung vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn mà bị đơn cư trú tại tổ A, ấp A, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Trần Thị P, bị đơn ông Trương Thành M có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về hôn nhân: Bà Trần Thị P và ông Trương Thành M là những người có đủ điều kiện kết hôn, chung sống vợ chồng với nhau trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Bình Dương (nay là xã P, Thành phố Hồ Chí Minh) nên đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, không thể tiếp tục chung sống nên bà P xin ly hôn, ông M đồng ý ly hôn.

[4] Theo biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Bà Trần Thị P và ông Trương Thành M địa phương không nắm rõ do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn bà P và bị đơn ông M đã trầm trọng, không còn chung sống với nhau được nữa, bà P xin ly hôn ông M đồng ý ly hôn. Nguyên đơn xin ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn theo quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Căn cứ vào lời khai của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung là Trương Quốc B1, sinh ngày 06/01/2016, theo bản tự khai con chung Trương Quốc B1 có nguyện vọng được ở với ông M, bà P đồng ý cho ông M nuôi con, ông M đồng ý nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Trương Quốc B1 cho ông M nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận sự tự nguyện của ông M về việc không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị P đối với bị đơn ông Trương Thành M về việc “ly hôn”.

1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị P được ly hôn với ông Trương Thành M.

2. Về con chung: Giao con chung Trương Quốc B1, sinh ngày 06/01/2016 cho ông Trương Thành M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông M về việc không yêu cầu bà P phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung của bà Trần Thị P. Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị P phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp trước đây theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0009870 ngày 19/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 19 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- UBND xã Tân Hiệp, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương (nay là xã Phước Thành, Thành phố Hồ Chí Minh) (số 21/2014 ngày 20/5/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Khoa